

Bản án số: 101/2024/DS-PT

Ngày: 22-5-2024

“V/v tranh chấp thừa kế”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

**- Th phân Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trường Thọ

Các Thẩm phán:

Bà Đặng Thị A Bình

Bà Võ Thị Mỹ Dung

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thanh Thảo – Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long:** Ông Nguyễn Anh T - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21, 22 tháng 5 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm C khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 88/2024/TLPT-DS ngày 08/4/2024 về việc “*Tranh chấp thừa kế*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2024/DS-ST ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 121/2024/QĐ-PT ngày 22 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

*N đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1961; địa chỉ: số 278/41/26, Đồng Đa 2, phường 2, Quận Bình Th, Th phố Hồ Chí M.

*Bị đơn:* Anh Nguyễn Quang C, sinh năm 1978; địa chỉ: số 180/15, ấp Phú Long A, xã Phú Q, huyện Long H, tỉnh Vĩnh L.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Phạm Minh Tấn- Văn phòng luật sư Phạm Minh Tấn thuộc Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Nguyễn Quang S, sinh năm 1966

2/ Chị Nguyễn Thị Ngọc Tr, sinh năm 1971

3/ Chị Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm 1974

4/ Thừa kế thế vị của bà Nguyễn Thị Ngọc A: Anh Nguyễn Phú L, sinh

năm 1991

Cùng địa chỉ: số 180/15, ấp Phú Long A, xã Phú Q, huyện Long H, tỉnh Vĩnh L.

5/ Nguyễn Ngọc Th, sinh năm 1981; địa chỉ: số 1E/1, ấp Phú Thạnh A, xã Phú Q, huyện Long H, tỉnh Vĩnh L.

6/ Ông Nguyễn Quang Tr, sinh năm 1968; địa chỉ: ấp Mỹ Phú, xã Mỹ L, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

7/ Thừa kế thế vị của ông Nguyễn Văn T:

- Nguyễn Thái Th, sinh năm 1982

- Nguyễn Thái C, sinh năm 1984

- Nguyễn Thái Đ, sinh năm 1986

- Nguyễn Thái Ph, sinh năm 1989

Cùng địa chỉ: ấp Phước Yên, xã Phú Quới, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh long

Đại diện theo uỷ quyền của chị Tr, N, anh Th, C, Đ, Ph: Bà Nguyễn Thị Kim N (Văn bản uỷ quyền ngày 10/5/2024).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim N trình bày:*

Cha, mẹ bà là cụ Nguyễn Văn K và Nguyễn Thị T có 10 người con: Nguyễn Thị Ngọc A (chết năm 2019) có một người con tên Nguyễn Phú L; Nguyễn Văn T (chết năm 2002) có 04 người con là Nguyễn Thái Th, Nguyễn Thái C, Nguyễn Thái Đ, Nguyễn Thái Ph; Nguyễn Văn Th (chết lúc nhỏ không có vợ con); Nguyễn Quang S, Nguyễn Quang Tr, Nguyễn Thị Ngọc Tr, Nguyễn Thị Ngọc N, Nguyễn Ngọc Th, Nguyễn Quang C và bà Nguyễn Thị Kim N. Di sản của 2 cụ là thửa đất 969 (thửa mới 157 tờ bản đồ 17), diện tích 280m<sup>2</sup> ( thực đo 260,9m<sup>2</sup>); tờ bản đồ số 4, loại đất thổ có căn nhà cấp 4 và thửa 113, tờ bản đồ số 4, diện tích 9.720m<sup>2</sup>, loại đất hai lúa, đất tọa lạc tại ấp Phú Long A, xã Phú Q, huyện Long H, tỉnh Vĩnh L do cụ K đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Năm 2004 cụ Kiệt chết không di chúc. Cụ Tư tách thửa 113 cho con một phần, phần còn lại do anh C ở chung với cụ Tư nên đã lập tờ phân chia di sản (không có mặt bà N) tách Th 03 thửa: Thửa 64 diện tích 1.715,9m<sup>2</sup> loại đất hai lúa (trừ mộ 89,2m<sup>2</sup> ; còn lại 1.626,7m<sup>2</sup>) ; thửa 271, tờ bản đồ số 17 diện tích 1.805,9m<sup>2</sup> loại đất lúa; thửa 291, tờ bản đồ số 17 diện tích 657,9m<sup>2</sup> loại đất hai lúa. tổng cộng là 4.179,7m<sup>2</sup> và anh C cùng bà Tư được cấp chung giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thửa 157 cụ Kiệt vẫn còn đứng tên.

Tại cấp sơ thẩm bà N yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy giấy phân chia di sản thừa kế ngày 30/11/2011, chia theo pháp luật phân đất Lúa. Đối thửa 157 và căn nhà của cha, mẹ và phía sau có nhà của anh S, bà đồng ý giao cho anh C

nhưng phải bồi hoàn giá trị lại cho các đồng thừa kế với giá 800.000.000đ cả đất và nhà.

Chị Nguyễn Thị Ngọc Tr, Nguyễn Ngọc Th, Nguyễn Thị Ngọc N, anh Nguyễn Phú L, Nguyễn Thái Th, Nguyễn Thái C, Nguyễn Thái Đ, Nguyễn Thái Ph yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật nhưng giao kỷ phần được hưởng cho bà N.

- *Bị đơn anh Nguyễn Quang C trình bày:*

Cha mẹ anh là cụ Kiệt và cụ T có 10 người con và để lại các tài sản như bà N trình bày. Tuy nhiên thửa 157 gắn liền căn nhà cấp 4 của cha mẹ để lại cho anh quản lý sử dụng; còn 03 thửa đất Lúa do bà Tư lập văn bản phân chia tài sản thừa có các anh chị em trong hộ khẩu là N, Th, Tr, S và Tr ra tại Ủy ban xã ngày 30/11/2011 đồng ký tên cho anh và bà Tư đồng sở hữu nên đến năm 2012 thì bà Tư và anh C được Ủy ban nhân dân huyện Long Hồ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Anh C yêu cầu: Về các thửa đất Lúa gồm thửa 64, 271 và 291 anh được hưởng ½ diện tích của anh; ½ còn lại của bà T thì chia đều cho 9 kỷ phần thừa kế, anh hưởng 1 phần.

Thửa 157 diện tích 260,9m<sup>2</sup> anh yêu cầu chia cho anh S phần đất gắn liền căn nhà anh S cất trên đất diện tích 48,4m<sup>2</sup> (157-2); phần còn lại diện tích 212,5m<sup>2</sup> (157-1) có căn nhà cấp 4 anh xin hưởng và đồng ý bồi hoàn giá trị cho các đồng thừa kế còn lại theo định giá.

Anh S đồng ý nhận phần thửa 157-2 do anh đã cất nhà ở trên đất; phần thừa kế đất ruộng anh giao lại anh C.

Ông Nguyễn Quang Tr nhận kỷ phần thừa kế theo pháp luật nhưng giao lại anh C.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 22/2024/DS-ST ngày 27-02-2024 của tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đã rút đối với thửa 224; chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà N và yêu cầu độc lập của chị N, chị Tr, chị Th, anh L:

Vô hiệu văn bản phân chia tài sản thừa kế chứng thực ngày 30/11/2011 và chia thừa kế: cho bà N quyền sử dụng phần đất thửa 271 diện tích 1.805,9m<sup>2</sup> và thửa 291 diện tích 657,9m<sup>2</sup>; chia cho anh C thửa 64 diện tích 1.715,9m<sup>2</sup> có phần mộ 89,2m<sup>2</sup> và tách thửa 157-1 diện tích 212,5m<sup>2</sup> có căn nhà của bà Tư để lại và chia cho anh S tách thửa 157-2 diện tích 48,4m<sup>2</sup> có căn nhà do anh xây cất.

Bản án còn buộc anh C bồi hoàn cho bà N, anh S chênh lệch giá trị nhà, đất theo kỷ phần thừa kế được hưởng; giải quyết án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo.

Ngày 06/3/2024, N đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu chia

thừa kế cho bà N trọn thửa đất số 157 cùng nhà và vật kiến trúc trên đất; bà N đồng ý hoàn lại giá trị nhà, vật kiến trúc 200.000.000đ, giá trị đất 600.000.000đ cho các đồng thừa kế.

Ngày 12/3/2024, bị đơn Nguyễn Quang C kháng cáo một phần bản án sơ thẩm yêu cầu chia thừa kế 03 thửa đất Lúa theo đơn phản tố.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các đương sự khác giữ N ý kiến. Trường hợp tòa án chia cho bà N thửa 64 trong đó có phần mộ thì các đương sự cũng thống nhất.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng tuân thủ đúng pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị căn cứ khoản 2 điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự: sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận 1 phần kháng cáo của anh C: Vô hiệu 1 phần văn bản phân chia thừa kế đối với phần các đồng thừa kế không ký tên văn bản và chia thừa kế theo pháp luật phần đất lúa bị vô hiệu, anh C được hưởng thêm 1 suất thừa kế C giữ gìn di sản; giao thửa 64 cho bà N, giao thửa 271 và 291 cho anh C và anh C hoàn giá trị chênh lệch diện tích được hưởng 25m<sup>2</sup> cho bà N theo định giá.

Không chấp nhận kháng cáo của bà N về thửa 157 gắn liền căn nhà cấp 4 là di sản của cha, mẹ.

Giải quyết án phí, chi phí tố tụng theo luật định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của đương sự trong hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đương sự có đơn đề nghị vắng mặt hoặc đã ủy quyền tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 228 và 296 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc định giá tài sản: Được Hội đồng định giá tiến hành đúng trình thủ tục quy định, có sự chứng kiến của các bên đương sự và thống nhất kết quả định giá, tại phiên tòa phúc thẩm đương sự cũng không yêu cầu định giá lại nên lấy kết quả định giá mà các đương sự thống nhất theo biên bản định giá ngày 22/9/2022.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Về hàng thừa kế, thừa kế thế vị và di sản như bản án sơ thẩm nhận định trên cơ sở đương sự thống nhất.

[2.2]. Bản án sơ thẩm tuyên quyền sử dụng đất thửa 157-1 gắn liền căn nhà cấp 4 cho anh C, thửa 157-2 gắn liền căn nhà cho anh S và buộc nghĩa vụ hoàn trả giá trị nhà, đất thừa kế theo pháp luật là phù hợp thực tế; vì anh C cùng vợ và các con đã chung sống với cha mẹ đến khi các cụ qua đời; anh S cũng cất nhà ở ổn định cùng vợ con trên thửa 157-2; gia đình anh C và anh S không có nơi cư trú

khác; lẽ ra anh C được hưởng thêm một suất thừa kế do có C gìn giữ, tôn tạo phần di sản này, nhưng anh C, anh S không kháng cáo là có lợi cho N đơn và như lời bà N trình bày, bà đã lập gia đình từ năm 1989, cư trú ở Th phố Hồ Chí Minh đến nay thể hiện không có nhu cầu cư trú ở địa phương nên không chấp nhận kháng cáo của N đơn; giữ N quyết định của bản án sơ thẩm về phần này.

[2.3]. Có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn về 03 thửa đất Lúa cụ thể như sau:

Xét văn bản phân chia thừa kế ngày 30/11/2021 được Ủy ban nhân dân cấp thẩm quyền chứng nhận cho bà Tư và anh C quyền sử dụng chung các thửa đất 64, 271 và 291 có sự thống nhất ký tên của các đồng thừa kế gồm chị N, Thủy, Tr, anh S, Tr đã phát sinh hiệu lực pháp luật nên các đương sự này không còn quyền yêu cầu chia thừa kế về phần đất này nữa; tuy nhiên bà N, các đồng thừa kế thế vị của ông T và bà A không ký tên do vậy văn bản phân chia di sản trên bị vô hiệu phần này và chấp nhận yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật như đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm như sau:

Tổng diện tích 03 thửa đất Lúa 4.179,7m<sup>2</sup> là tài sản chung của ông Kiệt và bà Tư nên 1/2 diện tích bằng 2089,85m<sup>2</sup> là di sản của ông Kiệt; trong đó 03 người là bà N, ông T (thừa kế thế vị là anh Ph, Đ, Th, C), bà A (thừa kế thế vị là anh L) không ký tên văn bản phân chia thừa kế được hưởng mỗi người 1 kỷ phần bằng 232,2m<sup>2</sup> nhưng đồng ý giao lại bà N hưởng 3 kỷ phần = 696,9m<sup>2</sup>. Các đồng thừa kế khác là anh C, S, Tr, chị Tr, N, Th đều ký tên văn bản phân chia thừa kế nên phần diện tích đất Lúa còn lại 3482,8m<sup>2</sup> nhập vào 1/2 diện tích là phần tài sản của bà Tư (trong khối tài sản chung 4.179,7m<sup>2</sup> với ông Kiệt) Th khối tài sản chung do bà Tư và anh C đứng tên; như vậy anh C có 1/2 diện tích trong khối tài sản chung với bà Tư bằng 1741,4m<sup>2</sup>; 1/2 diện tích còn lại cùng bằng 1741,4m<sup>2</sup> là di sản của bà Tư được chia theo pháp luật làm 10 kỷ phần (trong đó 09 suất cho các đồng thừa kế, 01 suất cho người giữ gìn di sản là anh C). Anh C được nhận tổng cộng 04 kỷ phần gồm: 01 phần theo luật + 01 phần C gìn giữ di sản + 02 phần do anh S và Tr giao lại = 696,56 m<sup>2</sup> + 1/2 khối tài sản chung với bà Tư; như vậy: tổng cộng anh C được hưởng 2438,3m<sup>2</sup>. Bà N nhận 06 phần gồm: 01 phần theo Luật, 05 phần của ông T, bà A, chị Tr, N, Th giao lại, tổng cộng bà N được hưởng 1.741,74m<sup>2</sup>.

Xét phần đất Lúa bà N được hưởng gần bằng diện tích thửa 64 và tại phiên tòa anh C cũng đồng ý để bà N coi giữ phần mồ mã, bà N cũng thống nhất nên chia cho bà N quyền sử dụng đất thửa 64 diện tích 1715,9m<sup>2</sup> (có 89,2m<sup>2</sup> nền mộ); phần đất Lúa anh C được hưởng gần bằng diện tích thửa 271 diện tích 1805,9m<sup>2</sup> + 291 diện tích 657,9m<sup>2</sup> là 2 thửa tiếp giáp nhau nên chia cho anh C để thuận lợi canh tác nhưng anh C phải bồi hoàn giá trị đất chênh lệch được hưởng cho bà N 25 m<sup>2</sup> x 60.000đ/m<sup>2</sup> = 1.500.000đ. Như vậy anh C phải bồi hoàn cho bà N tổng cộng 161.215.800đ (số tròn).

[2.4]. Về án phí và chi phí tố tụng sơ thẩm được tính lại theo hướng sửa bản án sơ thẩm, cụ thể:

Anh C hưởng phần di sản giá trị gồm đất Lúa: 146.298.000đ + đất ở nông thôn 6.667.444đ + nhà: 19.951.857đ = 172.917.301đ x 5% = 8.645.900đ (số tròn).

Bà N là người cao tuổi được miễn án phí.

Anh S hưởng phần di sản trị giá 31.083.857đ x 5% = 1.554.200đ (Số tròn).

Chi phí tố tụng tổng cộng: 8.996.000đ, tổng giá trị tài sản phải đo đạc, định giá 527.958.609đ các đương sự hưởng thừa kế phải chịu theo tỉ lệ được chia:

Bà N nộp 4.426.400đ, anh C nộp 3.399.200đ và anh S nộp 1.170.400đ được trừ vào số tiền tạm ứng bà N đã nộp đủ, anh C, anh S phải nộp hoàn lại bà N.

[2.5]. Những nội dung quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Phát biểu của Kiểm sát viên đồng nhất quan điểm của Hội đồng xét xử nêu trên.

*Bởi các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của N đơn bà Nguyễn Thị Kim N.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Quang C.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số : 22/2024/DS-ST ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng Điều 147, 148, 157, 165 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 649, 650, 651, 660, 661 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 100, 166, 167, 188 của Luật đất đai năm 2013. Điều 12, Điều 26, điểm a khoản 7 Điều 27, Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của N đơn bà Nguyễn Thị Kim N, một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Ngọc N, chị Nguyễn Thị Ngọc Tr, chị Nguyễn Ngọc Th, anh Nguyễn Phú L và một phần yêu cầu phản tố của bị đơn anh Nguyễn Quang C:

1.Vô hiệu một phần văn bản phân chia tài sản thừa kế được Ủy ban nhân dân xã Phú Quới chứng thực ngày 30/11/2011 số 48 quyền số 01/TP/CC-SCT/HDGD đối với một phần di sản thuộc thửa 113-2, 113-3 và 113-4 tờ bản đồ số 04 của đồng thừa kế gồm bà N, ông T và bà A.

2.Chia thừa kế cho các đương sự được hưởng như sau:

Anh Nguyễn Quang C được quyền sử dụng đất thửa số 271, tờ bản đồ số 17 diện tích 1.805,9m<sup>2</sup> gồm các mốc {1, 2, 3, 4, 5, 6, 1 }; thửa 291, tờ bản đồ số

17 diện tích 657,9m<sup>2</sup> gồm các mốc {7, 8, 9,10, 7} loại đất lúa và tách thửa 157-1 diện tích 212,5m<sup>2</sup> loại đất ở nông thôn gắn liền căn nhà của bà Tư để lại diện tích 97,41m<sup>2</sup>, sân lán xi măng diện tích 13,63m<sup>2</sup> gồm các mốc {1, 2, 3,4, 5.6, 7, 8, 9, 10, 1}.

Bà Nguyễn Thị Kim N được quyền sử dụng đất thửa số 64, tờ bản đồ số 17, diện tích 1.715,9m<sup>2</sup> loại đất Lúa ( có 89,2m<sup>2</sup> nền mộ) gồm các mốc {1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 1}.

Anh Nguyễn Quang S được quyền sử dụng đất tách thửa 157-2 diện tích 48,4m<sup>2</sup> loại đất ở nông thôn gắn liền căn nhà do anh tự xây cất gồm các mốc {6, 9, 8, 7, 6}.

Đất tọa lạc ấp Phú Long A, xã Phú Quới, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 15/12/2023 của Chi nhA Văn phòng đăng ký đất đai huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ kê khai đăng ký quyền sử dụng đất mình được hưởng nêu trên tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

3. Buộc Anh Nguyễn Quang C nghĩa vụ bồi hoàn giá trị chênh lệch tài sản được hưởng cho bà Nguyễn Thị Kim N tổng cộng 161.215.800đ (Một trăm sáu mươi một triệu hai trăm mười lăm ngàn tám trăm đồng); bồi hoàn cho anh Nguyễn Quang S 19.951.857đ (Mười chín triệu chín trăm năm mươi một ngàn tám trăm năm mươi bảy đồng).

4. Chi phí tố tụng sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Kim N đã nộp đủ 4.426.400đ (Bốn triệu bốn trăm hai mươi sáu ngàn bốn trăm đồng).

Buộc anh Nguyễn Quang C nghĩa vụ nộp 3.399.200đ (Ba triệu ba trăm chín mươi chín ngàn hai trăm đồng) và anh Nguyễn Quang S nộp 1.170.400đ (một triệu một trăm bảy mươi ngàn bốn trăm đồng) hoàn trả bà Nguyễn Thị Kim N.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên thì phải chịu lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn án phí cho bà Nguyễn Thị Kim N.

Buộc anh Nguyễn Quang C nộp 8.645.900đ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 4.983.000đ theo biên lai thu số 0000510 ngày 30/11/2023 của Chi cục

Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, anh C còn phải nộp thêm số tiền 3.662.900đ (Ba triệu sáu trăm sáu mươi hai ngàn chín trăm đồng).

Buộc anh Nguyễn Quang S nộp 1.554.200đ (Một triệu năm trăm năm mươi bốn ngàn hai trăm đồng).

6. Dương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

7. Nội dung quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, được quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.*

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân Cấp cao;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Tòa án ND huyện Long Hồ;
- Chi cục THA huyện Long Hồ;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Trường Thọ**